

Số: /BC-SYT

Bình Định, ngày tháng 01 năm 2022

BÁO CÁO

**Kết quả 04 năm thực hiện Nghị quyết số 20-NQ/TW
ngày 25/10/2017 của Ban Chấp hành Trung ương khóa XII.**

Kính gửi:

- Bộ Y tế;
- Ban Tuyên giáo Tỉnh ủy Bình Định.

Căn cứ Nghị quyết số 139/NQ-CP ngày 31/12/2017 của Chính phủ; thực hiện Kế hoạch số 31/KH-SYT ngày 25/03/2021 của Sở Y tế về việc triển khai công tác khoa giáo năm 2021 của ngành Y tế,

Sở Y tế Bình Định báo cáo kết quả 04 năm (2018-2021) thực hiện Nghị quyết số 20-NQ/TW ngày 25/10/2017 của BCHTW Đảng khóa XII như sau:

Phần 1

TÌNH HÌNH TRIỂN KHAI, KẾT QUẢ ĐẠT ĐƯỢC

I. HỌC TẬP, QUÁN TRIỆT VÀ THỂ CHẾ HÓA NGHỊ QUYẾT

1. Việc phổ biến và học tập, quán triệt Nghị quyết

- Đảng ủy Sở Y tế tổ chức 02 hội nghị học tập, quán triệt cho toàn thể đảng viên, quần chúng, người lao động trong Đảng bộ về quan điểm, mục tiêu, các nội dung chủ yếu Nghị quyết số 20-NQ/TW ngày 25/10/2017 của Ban Chấp hành Trung ương khóa XII về tăng cường công tác bảo vệ, chăm sóc và nâng cao sức khỏe nhân dân trong tình hình mới (*gọi tắt là Nghị quyết 20-NQ/TW*).

- Hàng năm, Sở Y tế thông qua các hội nghị phổ biến, giáo dục pháp luật và các hội nghị giao ban, thực hiện lồng ghép phổ biến, quán triệt đến lãnh đạo chủ chốt các đơn vị trực thuộc về các mục tiêu, nội dung chủ yếu của Nghị quyết 20-NQ/TW, Nghị quyết số 139/NQ-CP ngày 31/12/2017 của Chính phủ về Chương trình hành động thực hiện Nghị quyết số 20-NQ/TW ngày 25/10/2017 của Ban Chấp hành Trung ương khóa XII (*gọi tắt là Nghị quyết 139/NQ-CP*) và Quyết định số 1092/QĐ-TTg ngày 02/9/2018 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Chương trình sức khỏe Việt Nam (*gọi tắt là Quyết định 1092/QĐ-CP*).

- Các đơn vị trực thuộc phối hợp với Ban Tuyên giáo và Trung tâm bồi dưỡng chính cấp huyện tổ chức các hội nghị phổ biến, tuyên truyền và học tập, quán triệt về mục tiêu, nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu của Nghị quyết 20-NQ/TW, Nghị quyết 139/NQ-CP và Quyết định 1092/QĐ-CP đến toàn thể công chức, viên chức và người lao động trong đơn vị.

2. Việc thể chế hóa Nghị quyết

- Sở Y tế chủ trì tham mưu xây dựng dự thảo, lấy ý kiến góp ý của Ban Tuyên giáo Tỉnh ủy, hoàn chỉnh dự thảo và trình Ban Thường vụ Tỉnh ủy xem xét, ban hành Kế hoạch số 34-KH/TU ngày 16/5/2018 của Tỉnh ủy về *“Kế hoạch thực hiện Nghị quyết Hội nghị lần thứ sáu Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XII về tăng cường công tác bảo vệ, chăm sóc và nâng cao sức khỏe nhân dân trong tình hình mới”*; Kế hoạch số 33-KH/TU ngày 16/5/2018 của Tỉnh ủy về *“Kế hoạch thực hiện Nghị quyết Hội nghị lần thứ sáu Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XII về công tác dân số trong tình hình mới”*.

- Trên cơ sở Quyết định số 1092/QĐ-TTg ngày 02/9/2018 của Thủ tướng Chính phủ, Sở Y tế chủ trì tham mưu xây dựng dự thảo, lấy ý kiến góp ý của các sở, ngành, đơn vị có liên quan để hoàn chỉnh dự thảo và trình UBND tỉnh phê duyệt, ban hành Quyết định số 3825/QĐ-UBND ngày 31/10/2018 ban hành *“Kế hoạch thực hiện Chương trình Sức khỏe Việt Nam trên địa bàn tỉnh Bình Định”*.

- Trên cơ sở Kế hoạch số 34-KH/TU và Kế hoạch số 33-KH/TU ngày 16/5/2018 của Tỉnh ủy, Sở Y tế chủ trì tham mưu xây dựng dự thảo, lấy ý kiến góp ý của các sở, ngành, đơn vị có liên quan để hoàn chỉnh dự thảo và trình UBND tỉnh phê duyệt, ban hành Quyết định số 450/QĐ-UBND ngày 14/02/2019 về *“Kế hoạch của UBND tỉnh thực hiện Nghị quyết số 139/NQ-CP ngày 31/12/2017 của Chính phủ và Kế hoạch số 34-KH/TU ngày 16/5/2018 của Tỉnh ủy Bình Định về tăng cường công tác bảo vệ, chăm sóc và nâng cao sức khỏe nhân dân trong tình hình mới”*; Quyết định số 451/QĐ-UBND ngày 14/02/2019 về *“Kế hoạch của UBND tỉnh thực hiện Nghị quyết số 137/NQ-CP ngày 31/12/2017 của Chính phủ và Kế hoạch số 33-KH/TU ngày 16/5/2018 của Tỉnh ủy Bình Định về công tác dân số trong tình hình mới”*.

- Trên cơ sở Quyết định số 2348/QĐ-TTg ngày 05/12/2016 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án xây dựng và phát triển mạng lưới y tế cơ sở trong tình hình mới, Sở Y tế chủ trì tham mưu xây dựng dự thảo, lấy ý kiến góp ý của các sở, ngành, đơn vị có liên quan để hoàn chỉnh dự thảo và trình UBND tỉnh phê duyệt, ban hành Quyết định số 1614/QĐ-UBND ngày 17/5/2018 ban hành *“Kế hoạch xây dựng và phát triển mạng lưới y tế cơ sở giai đoạn 2018 – 2025 trên địa bàn tỉnh Bình Định”*.

- Trên cơ sở Quyết định số 7562/QĐ-BYT ngày 24/12/2018 của Bộ trưởng Bộ Y tế, Sở Y tế chủ trì tham mưu xây dựng dự thảo, lấy ý kiến góp ý của các sở, ngành, đơn vị có liên quan để hoàn chỉnh dự thảo và trình UBND tỉnh phê duyệt, ban hành Quyết định số 1879/QĐ-UBND ngày 05/6/2019 ban hành *“Kế hoạch hành động về ứng phó với biến đổi khí hậu của ngành Y tế tỉnh Bình Định giai đoạn 2019 – 2030 và tầm nhìn đến năm 2050”*.

- Sở Y tế chủ trì, phối hợp với các sở, ngành có liên quan tham mưu cấp có thẩm quyền đưa các mục tiêu, chỉ tiêu về sức khỏe, y tế và các yếu tố ảnh hưởng đến sức khỏe vào kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội hàng năm, 5 năm và chiến lược phát triển dài hạn của từng đơn vị, địa phương; Xây dựng kế hoạch và triển khai các nhiệm vụ theo chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn được giao của từng sở

ngành, đảm bảo sự kết nối đồng bộ và phù hợp với tình hình thực tế của địa phương; Chủ động đề xuất các cơ chế, chính sách riêng của tỉnh về công tác bảo vệ, chăm sóc và nâng cao sức khỏe người dân tại địa phương.

- Sở Y tế tăng cường chỉ đạo, tổ chức triển khai và đôn đốc, giám sát các hoạt động của ngành Y tế từ tỉnh đến cơ sở; kịp thời hướng dẫn, hỗ trợ chuyên môn kỹ thuật cho các sở, ngành, địa phương và cơ quan có liên quan trong quá trình triển khai thực hiện các hoạt động về lĩnh vực y tế - dân số.

II. KẾT QUẢ ĐẠT ĐƯỢC

1. Về chính trị, tư tưởng

- Tổ chức tốt hoạt động phổ biến, tuyên truyền và giáo dục pháp luật; tăng cường quán triệt và chỉ đạo, hướng dẫn các đơn vị trực thuộc tuân thủ chấp hành, nghiêm túc thực hiện theo đúng đường lối, chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước và các văn bản pháp luật liên quan đến lĩnh vực y tế - dân số.

- Xây dựng và tổ chức thực hiện các kế hoạch, phong trào thi đua trong toàn Ngành về các chủ đề: Học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh; Cải cách thủ tục hành chính và nâng cao chất lượng dịch vụ y tế; Thực hiện dân chủ trong các hoạt động tại cơ sở; Thực hiện Quy tắc ứng xử và đổi mới phong cách, thái độ phục vụ của nhân viên y tế; Xây dựng cơ sở y tế “xanh, sạch, đẹp”; Giảm thiểu sử dụng các sản phẩm nhựa sử dụng 1 lần và túi nilon khó phân hủy, tăng cường tái chế, tái sử dụng chất thải;... nhằm hướng tới sự hài lòng, tin tưởng của người bệnh và người dân đối với Ngành y tế.

- Định kỳ thực hiện khảo sát, đánh giá mức độ hài lòng của người bệnh và của nhân viên y tế tại các cơ sở y tế. Duy trì hoạt động “*đường dây điện thoại nóng*”, “*hòm thư góp ý*” để tiếp nhận và giải quyết kịp thời vướng mắc, kiến nghị của người dân về cung ứng dịch vụ và phong cách, thái độ phục vụ của nhân viên y tế; xử lý nghiêm các trường hợp vi phạm.

- Đa số công chức, viên chức, người lao động trong Ngành đều an tâm công tác, làm việc; có quan điểm, lập trường tư tưởng chính trị vững vàng, tin tưởng tuyệt đối vào sự lãnh đạo của Đảng, tuân thủ chính sách, pháp luật của Nhà nước; giữ vững khối đoàn kết thống nhất trong nội bộ; tinh thần trách nhiệm, đạo đức, phong cách và thái độ phục vụ có nhiều chuyển biến tích cực; góp phần nâng cao mức độ hài lòng, tin tưởng của người bệnh và nhân dân với Ngành y tế.

2. Về chỉ đạo, điều hành của Sở Y tế và cải cách hành chính

- Thực hiện tốt vai trò tham mưu, đề xuất cấp có thẩm quyền ban hành và tổ chức triển khai có hiệu quả nhiều văn bản quan trọng của tỉnh để thực hiện các nhiệm vụ phát triển Ngành y tế và tăng cường công tác bảo vệ, chăm sóc, nâng cao sức khỏe nhân dân; đặc biệt là về triển khai các giải pháp, phương án đề phòng, chống dịch bệnh COVID-19 và thực hiện Nghị quyết số 128-NQ/CP ngày 11/10/2021 của Chính phủ về “thích ứng an toàn, linh hoạt, kiểm soát hiệu quả dịch COVID-19” phù hợp với điều kiện thực tế tại địa phương.

- Chủ động báo cáo và đề xuất các nhiệm vụ công tác của Ngành để Tỉnh ủy, HĐND, UBND tỉnh kịp thời lãnh đạo, chỉ đạo tổ chức thực hiện; đồng thời

tích cực triển khai các giải pháp nhằm tăng cường hiệu lực quản lý nhà nước trên tất cả các lĩnh vực hoạt động của Ngành.

- Chỉ đạo các đơn vị trực thuộc xây dựng kế hoạch và triển khai thực hiện các nhiệm vụ công tác đạt hiệu quả; tiếp tục cải tiến các quy trình chuyên môn và triển khai các giải pháp nâng cao chất lượng, hiệu quả giải quyết các thủ tục hành chính trong phục vụ, cung ứng dịch vụ y tế đến người dân.

- Tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin trong các hoạt động khám chữa bệnh, dự phòng, quản lý sức khỏe điện tử công dân, thanh toán chi phí các dịch vụ y tế, đấu thầu. Tổ chức kiểm tra việc chấp hành quy định pháp luật và thực hiện chỉ tiêu, nhiệm vụ được giao tại một số đơn vị trực thuộc.

- Kịp thời cập nhật, công khai và thực hiện các thủ tục hành chính đúng theo quy định; tạo thuận lợi cho người dân, doanh nghiệp trong việc tiếp nhận và giải quyết các thủ tục hành chính. Áp dụng có hiệu quả Hệ thống quản lý chất lượng theo TCVN ISO-9001: 2015 vào kiểm soát thủ tục hành chính thuộc phạm vi quản lý của Sở Y tế. Duy trì tốt việc quản lý chứng thư số, sử dụng ký số trên hệ thống văn phòng điện tử liên thông.

- Công tác phòng, chống thiên tai và tác động của biến đổi khí hậu được chú trọng, chủ động triển khai các biện pháp để ứng phó kịp thời. Hoạt động quân - dân y kết hợp trong chăm sóc sức khỏe nhân dân, khắc phục hậu quả thiên tai và tổ chức khám sơ tuyến, khám tuyến nghĩa vụ quân sự được duy trì có hiệu quả.

3. Về kiện toàn tổ chức bộ máy và nhân lực y tế

a) Kiện toàn tổ chức bộ máy

- Toàn ngành hiện có: 03 đơn vị quản lý hành chính (*Sở Y tế, Chi cục An toàn vệ sinh thực phẩm, Chi cục Dân số - Kế hoạch hóa gia đình*) và 21 đơn vị sự nghiệp công lập; trong đó có 03 đơn vị do NSNN đảm bảo chi thường xuyên (*TT Kiểm nghiệm Dược phẩm - Mỹ phẩm; TT Pháp y; TT Giám định y khoa*), 03 đơn vị tự đảm bảo chi thường xuyên (*Bệnh viện đa khoa tỉnh, Bệnh viện Mắt, Bệnh viện ĐKKV Bồng Sơn*) và 15 đơn vị tự đảm bảo một phần chi thường xuyên.

- Các đơn vị, cơ sở y tế được hợp nhất, sáp nhập từ năm 2019 đã ổn định về tổ chức và nhân sự, từng bước phát huy hiệu quả hoạt động. Năm 2020-2021, Ngành tiếp tục rà soát, kiện toàn tổ chức mạng lưới các đơn vị trực thuộc và sắp xếp, tinh gọn tổ chức bộ máy bên trong từng đơn vị, cơ sở y tế theo hướng hợp nhất, sáp nhập các khoa, phòng có biên chế dưới 05 người. Thường xuyên rà soát, thực hiện kiện toàn, củng cố về tổ chức và nhân sự các ban, hội đồng quản lý và chuyên môn cấp ngành, cấp liên ngành.

- Thực hiện nghiêm túc, đúng quy định việc bổ nhiệm mới, bổ nhiệm lại chức vụ lãnh đạo, quản lý tại các cơ sở y tế trực thuộc theo thẩm quyền quản lý. Hàng năm xây dựng kế hoạch và triển khai thực hiện luân chuyển, chuyển đổi vị trí công tác đối với công chức, viên chức tại Sở Y tế và các đơn vị trực thuộc.

- Thực hiện rà soát, phê duyệt bổ sung quy hoạch chức danh lãnh đạo, quản lý cấp khoa, phòng tại các đơn vị trực thuộc giai đoạn 2020-2025; trình cấp có thẩm quyền thẩm định và phê duyệt khung danh mục vị trí việc làm, bản mô tả công

việc và khung năng lực vị trí việc làm của các đơn vị trực thuộc Sở Y tế.

- Triển khai kịp thời thủ tục bổ nhiệm chức danh nghề nghiệp, nâng bậc lương thường xuyên, trước thời hạn; phụ cấp thu hút, ưu đãi nghề; điều chỉnh chức danh nghề nghiệp phù hợp với vị trí việc làm,... cho công chức, viên chức y tế đáp ứng các tiêu chuẩn theo quy định.

b) Quản lý nhân lực y tế

- Số nhân lực y tế thuộc tỉnh quản lý: 6.049 người, đạt 40,6 người/ vạn dân. Số bác sĩ thuộc tỉnh quản lý: 1.099 người, đạt 7,4 bác sĩ/ vạn dân; số dược sĩ đại học thuộc tỉnh quản lý: 125 người, đạt 0,8 dược sĩ/ vạn dân. Số trạm y tế có bác sĩ công tác: 159, đạt tỷ lệ 100%.

- Thực hiện nghiêm túc, theo đúng thẩm quyền về công tác quy hoạch và bổ nhiệm mới, bổ nhiệm lại chức vụ lãnh đạo, quản lý tại các đơn vị trực thuộc. Kịp thời triển khai thủ tục nâng lương thường xuyên, và trước thời hạn; chế độ phụ cấp thu hút, ưu đãi theo nghề; điều chỉnh chức danh nghề nghiệp phù hợp với vị trí việc làm,... cho công chức, viên chức y tế đáp ứng các tiêu chuẩn theo quy định.

- Có 124 bác sĩ, 04 dược sĩ đại học được xét tuyển dụng mới và hưởng chính sách thu hút, ưu đãi của tỉnh theo Quyết định số 34/2015/QĐ-UBND (*năm 2018: 22 bác sĩ, 01 dược sĩ; năm 2019: 30 bác sĩ, 01 dược sĩ; năm 2020: 52 bác sĩ, 02 dược sĩ; năm 2021: 20 bác sĩ*).

- Tổ chức sát hạch, tuyển dụng mới 699 viên chức y tế theo kế hoạch phát triển nguồn nhân lực của Ngành và chỉ tiêu biên chế được giao hàng năm (*năm 2018: 314 người; năm 2019: 181 người; năm 2021: 204 người*). Tổ chức các đợt xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp, bổ nhiệm chức danh và xếp lương cho 20 viên chức y tế từ hạng III lên hạng II, 411 viên chức y tế từ hạng IV lên hạng III.

- Cử 529 công chức, viên chức dự thi và đi học nâng cao trình độ chuyên môn các bậc cao đẳng, đại học, sau đại học; nâng cao trình độ quản lý và lý luận chính trị. Bên cạnh đó, Sở Y tế và các đơn vị trực thuộc đã tổ chức tập huấn, đào tạo liên tục cho hàng ngàn lượt công chức, viên chức y tế từ tỉnh đến cơ sở (*năm 2020 và 2021 tập trung tập huấn, đào tạo về phòng chống dịch bệnh COVID-19*).

- Rà soát, lập thủ tục giải quyết cho 343 viên chức nghỉ hưu theo chế độ và 113 viên chức nghỉ thôi việc theo nguyện vọng. Thi hành kỷ luật 52 viên chức.

4. Thực hiện chính sách bảo hiểm y tế và quản lý sức khỏe công dân

- Kịp thời phổ biến và triển khai các quy định của Chính phủ, hướng dẫn của Bộ Y tế và các bộ, ngành liên quan trọng lĩnh vực bảo hiểm y tế đến các cơ sở khám bệnh, chữa bệnh trên địa bàn tỉnh để thực hiện.

- Xây dựng báo cáo tổng kết 10 năm thực hiện Chỉ thị số 38-CT/TW ngày 07/9/2009 của Ban Bí thư (khóa X) về đẩy mạnh công tác bảo hiểm y tế trong tình hình mới. Tiếp tục triển khai các giải pháp thực hiện Nghị quyết số 21-NQ/TW ngày 22/11/2012 của Bộ Chính trị (khóa XI) về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế giai đoạn 2012 - 2020.

- Phối hợp BHXH tỉnh tham mưu đề xuất HĐND, UBND tỉnh triển khai các giải pháp phát triển BHYT toàn dân; giao chỉ tiêu phát triển đối tượng tham

gia BHYT hàng năm cho các địa phương; giám sát, kiểm tra công tác khám bệnh, chữa bệnh BHYT tại một số cơ sở y tế; hướng dẫn và liên thông dữ liệu phục vụ cho khám bệnh, chữa bệnh và thanh toán chi phí BHYT đối với các bệnh nhân nghi nhiễm và bị nhiễm COVID-19. Tổng hợp số liệu, báo cáo kiến nghị BHXH Việt Nam về những khó khăn, vướng mắc trong thanh quyết toán chi phí khám, chữa bệnh BHYT giai đoạn 2016- 2019 giữa cơ quan BHXH với các cơ sở khám bệnh, chữa bệnh BHYT trên địa bàn tỉnh.

- Thực hiện tốt các nhiệm vụ của Sở Y tế về quản lý và thực hiện chính sách BHYT; chỉ đạo, đôn đốc các cơ sở y tế tăng cường các giải pháp nâng cao chất lượng khám chữa bệnh, đảm bảo quyền lợi người bệnh có thẻ BHYT và cập nhật, bổ sung đầy đủ dữ liệu lên Cổng thông tin giám định BHYT; cung cấp dữ liệu khám chữa bệnh phục vụ tính toán quỹ định suất và theo nhóm chẩn đoán liên quan (DRG) lên hệ thống hỗ trợ ra quyết định phương thức chi trả của Bộ Y tế.

- Đến cuối năm 2021, toàn tỉnh có 1.418.960 người tham gia bảo hiểm y tế, đạt 95,2% dân số; tăng 7,8% so với năm 2017.

- Thực hiện việc cập nhật dữ liệu hồ sơ sức khỏe điện tử công dân để phục vụ công tác quản lý, chăm sóc sức khỏe ban đầu cho nhân dân; có 98,0% dân số được cập nhật thông tin cơ bản vào hồ sơ sức khỏe điện tử.

5. Thực hiện các nhiệm vụ chuyên môn chủ yếu

a) Phòng, chống dịch bệnh COVID-19

Công tác phòng, chống dịch COVID-19 được các cấp ủy đảng và chính quyền địa phương đặc biệt quan tâm, chỉ đạo triển khai quyết liệt và kịp thời; có sự chủ động tham gia, phối hợp chặt chẽ của các sở, ngành, đoàn thể từ tỉnh đến cơ sở và được tuyệt đại đa số người dân tích cực hưởng ứng, chấp hành thực hiện.

Ngành y tế đã kịp thời tham mưu, đề xuất cấp có thẩm quyền ban hành và phối hợp chặt chẽ với các sở, ngành, địa phương tổ chức triển khai các kế hoạch, phương án của tỉnh, của Ngành; đồng thời chủ động và quyết liệt triển khai các giải pháp để ứng phó với diễn biến của dịch bệnh COVID-19 theo các cấp độ và từng thời điểm, giai đoạn khác nhau; tăng cường kiểm tra, giám sát trong cộng đồng để phát hiện sớm trường hợp nghi nhiễm bệnh để kịp thời bao vây, dập dịch theo phương châm “4 tại chỗ”; cung ứng kịp thời, đầy đủ khẩu trang, dung dịch sát khuẩn, vật tư, hóa chất, trang phục bảo hộ cá nhân,... để phòng, chống dịch.

Tình hình triển khai các giải pháp phòng, chống dịch COVID-19 như sau:

- Về hoạt động chỉ đạo, điều hành:

- + Sở Y tế đã tham mưu Tỉnh ủy, UBND tỉnh, Ban Chỉ đạo phòng, chống dịch bệnh COVID-19 tỉnh ban hành nhiều văn bản chỉ đạo, điều hành công tác phòng chống dịch trên địa bàn tỉnh; đã phát huy vai trò là cơ quan thường trực trong triển khai các biện pháp phòng chống dịch kịp thời, phù hợp theo diễn biến của dịch bệnh. Phối hợp tốt với các sở, ban, ngành và các địa phương trong triển khai hoạt động phòng chống dịch.

- + Sở Y tế đã thực hiện chỉ đạo tốt công tác chuyên môn về phòng chống dịch, đảm bảo công tác phòng chống dịch được thực hiện nhanh chóng, đồng bộ,

hiệu quả với sự quyết tâm cao nhất của toàn bộ lực lượng y tế trong ngành.

+ Lãnh đạo Sở Y tế đã thường xuyên tổ chức kiểm tra, giám sát, hỗ trợ công tác phòng chống dịch tại các địa phương, tại các chốt kiểm tra y tế, các khu cách ly tập trung, các cơ sở y tế.

+ Tổ chức 02 đoàn nhân viên y tế hỗ trợ phòng chống dịch tại tỉnh Bình Dương và thành phố Hồ Chí Minh theo yêu cầu của Bộ Y tế.

- *Về hoạt động giám sát, cách ly, khoanh vùng dập dịch:*

+ Sở Y tế đã phối hợp, hướng dẫn các địa phương từng bước thực hiện tốt hơn các quy định về giãn cách theo hướng chủ động, linh hoạt và theo đánh giá, phân loại khu vực nguy cơ để triển khai các biện pháp phòng, chống dịch COVID-19 tương ứng với mức độ nguy cơ.

+ Khi có F0 xuất hiện, lực lượng y tế phối hợp chặt chẽ với lực lượng công an và chính quyền địa phương khẩn trương thực hiện các biện pháp truy vết để nhanh chóng xác định nguồn lây, xác định F1, F2 để tiến hành xét nghiệm và cách ly theo hướng dẫn của Bộ Y tế và phù hợp với tình hình thực tế của địa phương; triển khai cách ly F1 và cách ly điều trị F0 tại nhà theo hướng dẫn của Bộ Y tế.

+ Ngành y tế đã thực hiện giám sát dịch tễ các điểm nguy cơ thường xuyên và định kỳ để đánh giá các yếu tố nguy cơ về sự xuất hiện của dịch bệnh từ đó đưa ra các quyết định xử lý phù hợp.

+ Ngành Y tế phối hợp với các địa phương tăng cường giám sát, quản lý việc thực hiện cách ly và xét nghiệm cho các đối tượng thực hiện cách ly tập trung, cách ly tại nhà đảm bảo đúng quy định; tuyệt đối không để lây nhiễm chéo trong khu cách ly tập trung và hạn chế đến mức thấp nhất việc lây nhiễm trong gia đình khi cách ly tại nhà. Đến nay tỉnh đã đã tổ chức cách ly tập trung cho 19.559 người (khu cách ly Quân đội: 8.140 người, khu cách ly dân sự: 11.419 người); cách ly tại nhà cho 218.597 người.

+ Sở Y tế chỉ đạo các đơn vị trực thuộc triển khai xét nghiệm theo chỉ đạo của Ban Chỉ đạo Quốc gia, Bộ Y tế, Ban Chỉ đạo tỉnh đảm bảo nhanh chóng, kịp thời và chính xác phục vụ cho công tác phòng chống dịch. Tranh thủ sự hỗ trợ của Viện Sốt rét - Ký sinh trùng và Côn trùng Quy Nhơn trong thực hiện xét nghiệm nhằm đáp ứng kịp thời yêu cầu về phòng chống dịch. Việc xét nghiệm đã được thực hiện có trọng tâm, trọng điểm, tập trung vào các vùng/địa bàn, đối tượng có nguy cơ cao, người có các triệu chứng nghi ngờ nhiễm SARS-CoV-2, đảm bảo hiệu quả, tiết kiệm. Triển khai hướng dẫn tự test nhanh và khuyến khích người dân tự xét nghiệm bằng test nhanh để theo dõi sức khỏe của bản thân.

- *Về hoạt động tiếp nhận, thu dung điều trị bệnh nhân COVID-19:*

+ Các cơ sở khám, chữa bệnh trên địa bàn tỉnh tăng cường năng lực thực hiện việc thu dung, điều trị người bệnh COVID-19 đảm bảo chất lượng, giảm tối đa biến chứng nặng và hạn chế đến mức thấp nhất các trường hợp tử vong. Thực hiện đảm bảo việc phân tầng điều trị tại các cơ sở y tế theo hướng dẫn của Bộ Y tế. Đảm bảo các điều kiện về trang thiết bị y tế, nhân lực để điều trị cho người bệnh thể vừa và nặng tại Bệnh viện đa khoa tỉnh và Bệnh viện đa khoa khu vực

Bồng Sơn. Phối hợp với chính quyền địa phương để tổ chức các cơ sở thu dung điều trị mở rộng của các Trung tâm y tế.

+ Ngành Y tế thực hiện rà soát, cập nhật, bổ sung, tăng cường thiết lập cơ sở thu dung, điều trị và bảo đảm số giường hồi sức cấp cứu (ICU) để sẵn sàng đáp ứng tình hình dịch ở cấp độ 4; Triển khai mô hình chăm sóc, điều trị F0 tại nhà và thiết lập trạm y tế lưu động tại các địa phương.

+ Ngành Y tế tích cực phối hợp với các địa phương tiếp tục xây dựng và thiết lập các trạm y tế lưu động, tổ chức chăm sóc người nhiễm COVID-19 tại cộng đồng và kế hoạch cung cấp ô xy y tế cho các trạm y tế xã, phường, thị trấn để đáp ứng khi có dịch xảy ra. Số trạm y tế lưu động đã thành lập đến nay là 83 Trạm.

- Về hoạt động tiêm chủng vắc xin ngừa COVID-19:

+ Sở Y tế đã phối hợp với các Sở, ban ngành, địa phương để triển khai kế hoạch tiêm chủng vắc xin phòng COVID-19 theo kế hoạch, đảm bảo phương châm “an toàn, nhanh chóng, hiệu quả, đúng đối tượng”; tổ chức tiêm chủng cho trẻ em, phụ nữ có thai, người trên 50 tuổi và trên 65 tuổi, trẻ em từ 12 đến 17 tuổi theo hướng dẫn của Bộ Y tế.

+ Các địa phương trong tỉnh đã chỉ đạo, triển khai các lực lượng hỗ trợ ngành y tế để thực hiện việc tiêm vắc xin tại các điểm tiêm ngoài bệnh viện, tại trường học, tại nhà.

- Về triển khai Chương trình thí điểm điều trị có kiểm soát COVID-19 bằng thuốc Molnupiravir:

+ Số thuốc Molnupiravir 200mg được cấp 105.000 viên, xuất cho các đơn vị 93.200 viên, đạt tỷ lệ 89%, số thuốc bệnh nhân đã sử dụng 67.000 viên.

+ Số bệnh nhân tham gia Chương trình 1.675, trong đó hoàn thành Chương trình 1.335 (sau 5 ngày điều trị, tỷ lệ bệnh nhân cho kết quả âm tính hoặc có Ct $\geq$ 30 là 70%), số bệnh nhân đang trong liệu trình điều trị là 340.

+ Chương trình thí điểm điều trị đạt kết quả tốt, sau 9 ngày hoặc 14 ngày dùng thuốc tỷ lệ bệnh nhân xét nghiệm lại cho kết quả âm tính hoặc có Ct $\geq$ 30 là 95%. Chưa có bệnh nhân gặp biến cố bất lợi hay dị ứng thuốc, giảm thiểu tỷ lệ bệnh nhân chuyển nặng.

b) Y tế dự phòng và thực hiện Chương trình mục tiêu y tế - dân số

- Mạng lưới y tế dự phòng từ tỉnh đến cơ sở tiếp tục được củng cố và phát triển theo hướng gần dân, nâng cao năng lực phục vụ cộng đồng. Duy trì tốt hoạt động điều tra, giám sát dịch tễ, kiểm dịch và quản lý các đối tượng nghi nhiễm, di biến động dân cư; tăng cường dự báo diễn biến dịch và tuyên truyền giáo dục tại cộng đồng; chuẩn bị sẵn sàng thuốc, hóa chất, nhân lực, trang thiết bị và chủ động kịp thời, quyết liệt triển khai các giải pháp phòng, chống các loại dịch bệnh.

- Các nhiệm vụ, hoạt động về y tế dự phòng, kiểm soát bệnh tật và thực hiện Chương trình mục tiêu y tế - dân số đều được ngành Y tế triển khai nghiêm túc, thực hiện đạt và vượt hầu hết các chỉ tiêu kế hoạch đề ra hàng năm (*chi tiết tại Phụ lục đính kèm*). Giữ vững thành quả thanh toán bệnh bại liệt, loại trừ bệnh uốn ván sơ sinh, loại trừ bệnh phong (quy mô cấp tỉnh); các bệnh Cúm tuýp A

(H₁N₁, H₅N₁, H₇N₉), Tiêu chảy cấp nguy hiểm, Bạch hầu, Dịch hạch và một số bệnh dịch truyền nhiễm nguy hiểm khác không ghi nhận ca mắc.

- Công tác chăm sóc sức khỏe sinh sản, phòng chống suy dinh dưỡng cho trẻ em và phụ nữ có thai, phòng chống một số bệnh không lây nhiễm (*tim mạch, tăng huyết áp, ung thư, đái tháo đường, rối loạn thiếu iốt*), phòng chống các bệnh nghề nghiệp, bệnh phổi tắc nghẽn mãn tính, mù lòa,... được Ngành phối hợp với các địa phương, đơn vị liên quan triển khai đúng tiến độ và đạt các yêu cầu đề ra.

c) Khám bệnh, chữa bệnh và chăm sóc người bệnh

- Mạng lưới cơ sở khám bệnh, chữa bệnh được tiếp tục kiện toàn, từng bước hoàn thiện theo các tuyến chuyên môn kỹ thuật theo quy định của Bộ Y tế. Toàn tỉnh (không tính các cơ sở thuộc Bộ, Ngành quản lý) hiện có: 01 bệnh viện hạng I, 02 bệnh viện hạng II và 14 bệnh viện còn lại đạt tiêu chuẩn bệnh viện hạng III. Đã triển khai thực hiện việc giao quyền tự chủ, tự chịu trách nhiệm về thực hiện nhiệm vụ, tổ chức bộ máy nhân sự và tài chính cho 03 đơn vị (*Bệnh viện Mắt, Bệnh viện đa khoa tỉnh, Bệnh viện đa khoa khu vực Bồng Sơn*).

- Năm 2021, tổng số GBKH toàn tỉnh: 5.150, tương ứng 34,6 giường/ vạn dân (*tăng 940 giường, tương ứng 7,1 giường / vạn dân so với năm 2017*). Số GBKH thuộc Sở Y tế quản lý: 4.280, đạt 28,7 giường/ vạn dân (*tăng 790 giường, tương ứng 5,9 giường / vạn dân so với năm 2017*). Nhiều cơ sở điều trị được đầu tư kinh phí từ các nguồn vốn khác nhau để nâng cấp, xây mới cơ sở vật chất và bổ sung trang thiết bị y tế phù hợp với từng tuyến.

- Chất lượng công tác khám, chữa bệnh và chăm sóc người bệnh tiếp tục được nâng cao; hoạt động khám chữa bệnh bảo hiểm y tế, cho người nghèo, trẻ em dưới 6 tuổi, các đối tượng chính sách được duy trì có hiệu quả. Việc cung ứng các dịch vụ y tế cơ bản và chăm sóc sức khỏe ban đầu cho nhân dân tại tuyến y tế cơ sở được chú trọng đẩy mạnh, góp phần làm giảm quá tải bệnh nhân tại các bệnh viện tuyến tỉnh.

- Bước đầu triển khai hoạt động khám bệnh, chữa bệnh từ xa bằng hệ thống TeleHealth tại Bệnh viện đa khoa tỉnh Bình Định (*qua việc kết nối mạng trực tiếp với các bệnh viện tuyến trên*) và đang tiếp tục mở rộng tại các đơn vị khác. Hoạt động nghiên cứu khoa học, phát huy sáng kiến và cải tiến kỹ thuật tại các cơ sở điều trị được khuyến khích, tăng cường ứng dụng vào thực tiễn triển khai các hoạt động chuyên môn.

- Thực hiện Đề án phát triển bệnh viện vệ tinh của Bộ Y tế, trong năm Bệnh viện đa khoa tỉnh đã ký kết hợp đồng và triển khai tiếp nhận một số kỹ thuật mới, chuyên sâu từ Bệnh viện Chợ Rẫy; tiếp tục tiếp nhận các kỹ thuật chuyên sâu từ các bệnh viện Thống nhất, Ung bướu, Từ Dũ (Tp. Hồ Chí Minh) chuyển giao về tỉnh. Hiện nay, Bệnh viện đa khoa tỉnh Bình Định đã thực hiện được thường quy nhiều kỹ thuật chuyên sâu về các lĩnh vực: can thiệp tim mạch, thần kinh cột sống, chấn thương – bỏng, ung bướu, ngoại tiêu hóa, ngoại tổng quát, hồi sức cấp cứu nhi, điều trị hiếm muộn bằng thụ tinh nhân tạo,... Bệnh viện đa khoa tỉnh Bình Định và các bệnh viện đa khoa, chuyên khoa tuyến tỉnh cũng đã triển khai tốt hoạt động hỗ trợ chuyên môn, đào tạo và chuyển giao kỹ thuật cho các đơn vị

tuyến dưới. Nhờ vậy, nhiều ca bệnh phức tạp, hiểm nghèo đã được điều trị khỏi và ổn định tại địa phương, không phải chuyển lên tuyến trên. Công suất sử dụng giường bệnh hàng năm đạt 125% - 135% kế hoạch (*riêng năm 2021, do ảnh hưởng của dịch bệnh COVID-19, công suất sử dụng giường bệnh có giảm so với những năm trước, nhưng vẫn đạt xấp xỉ 100% giường kế hoạch*); tỷ lệ bệnh nhân nội trú được điều trị khỏi và đỡ bệnh hàng năm đạt trên 92%.

- Công tác tự kiểm tra, phúc tra, đánh giá chất lượng bệnh viện và khảo sát sự hài lòng của người bệnh được tiến hành thường xuyên, nghiêm túc. Thực hiện tốt việc đánh giá định kỳ "Bộ tiêu chí bệnh viện an toàn trong phòng, chống dịch Covid-19 và các dịch bệnh viêm đường hô hấp cấp" theo Quyết định số 3088/QĐ-BYT ngày 16/7/2020 của Bộ Y tế. Hướng dẫn và triển khai đánh giá định kỳ "Bộ tiêu chí phòng khám an toàn phòng, chống dịch Covid-19 và các dịch bệnh viêm đường hô hấp cấp" theo Quyết định số 4999/QĐ-BYT ngày 01/12/2020 của Bộ Y tế đối với các Trạm y tế và phòng khám đa khoa, chuyên khoa trên địa bàn tỉnh.

d) Quản lý dược và trang thiết bị y tế

- Chỉ đạo, hướng dẫn và giám sát các cơ sở y tế triển khai thực hiện nghiêm túc các văn bản pháp luật về quản lý và sử dụng thuốc, mỹ phẩm, vật tư y tế, hóa chất, trang thiết bị,...; nhất là thực hiện các quy chế quản lý, sử dụng thuốc gây nghiện, thuốc hướng tâm thần và tiền chất dùng làm thuốc; ưu tiên sử dụng thuốc generic, thuốc sản xuất trong nước; đảm bảo quản lý và sử dụng thuốc an toàn, hiệu quả; theo dõi và kịp thời báo cáo về phản ứng có hại, tác dụng phụ của thuốc trong quá trình sử dụng.

- Tuân thủ các quy định hiện hành về đấu thầu; đảm bảo cung ứng đủ thuốc, hóa chất, vắc xin, sinh phẩm y tế có chất lượng với giá cả hợp lý, đáp ứng nhu cầu phòng bệnh, chữa bệnh và chăm sóc sức khỏe cho người bệnh tại các cơ sở y tế công lập. Tổ chức thẩm định, phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu, hồ sơ mời thầu và kết quả lựa chọn nhà thầu mua thuốc; kế hoạch lựa chọn nhà thầu mua vật tư y tế, hóa chất và trang thiết bị y tế cho các đơn vị trực thuộc theo đúng quy định hiện hành.

- Chỉ đạo Trung tâm Kiểm nghiệm dược phẩm và mỹ phẩm tăng cường quản lý chất lượng thuốc lưu hành trên thị trường. Hướng dẫn, kiểm tra các bệnh viện, cơ sở y tế có tiêm chủng triển khai thực hiện việc bảo quản thuốc theo nguyên tắc "Thực hành tốt bảo quản thuốc - GSP" theo quy định của Bộ Y tế.

- Thực hiện tốt công tác hậu cần, cung ứng kịp thời và đầy đủ thuốc, vật tư, hóa chất,... cho phòng chống dịch bệnh, nhất là dịch COVID-19; xử lý môi trường sau ngập, lụt do mưa bão.

- Xây dựng, cải tiến lại các quy trình thủ tục hành chính và quy trình nội bộ về lĩnh vực quản lý dược, mỹ phẩm, trang thiết bị y tế và hóa chất diệt khuẩn, diệt côn trùng để thực hiện tại Trung tâm dịch vụ hành chính công của tỉnh.

- Xây dựng quy trình và triển khai cung cấp dịch vụ công trực tuyến mức độ 3 (*02 thủ tục*), mức độ 4 (*77 thủ tục*) liên quan lĩnh vực dược và khám bệnh, chữa bệnh. Thực hiện nghiêm túc dịch vụ công trực tuyến mức độ 4 về quản lý trang thiết bị y tế theo Nghị định số 36/2016/NĐ-CP. Tiếp tục thực hiện kết nối

liên thông “cơ sở dữ liệu dược quốc gia” đối với các đại lý, nhà thuốc.

6. Bảo vệ môi trường và xây dựng cơ sở y tế “xanh, sạch, đẹp”

- Triển khai tốt các hoạt động trong những đợt cao điểm thực hiện chiến dịch bảo vệ môi trường, nước sạch và vệ sinh môi trường. Định kỳ phát sóng trên Đài Truyền hình tỉnh thông điệp truyền thông về “*Hướng dẫn phân loại chất thải y tế cho bệnh nhân và người nhà bệnh nhân*”. Thiết kế và in ấn, cấp phát cho các cơ sở y tế 30.000 tờ rơi “*Hướng dẫn phân loại chất thải y tế dành cho bệnh nhân và người nhà bệnh nhân*”, 4.000 áp phích “*Nói KHÔNG với chất thải nhựa sử dụng 1 lần; nói KHÔNG với túi nilon khó phân hủy*”.

- Chỉ đạo, hướng dẫn các cơ sở y tế triển khai các biện pháp tiết kiệm năng lượng, tái chế và tái sử dụng chất thải; tăng cường quản lý chất thải y tế và khâu trang đã qua sử dụng nhằm phòng ngừa sự lây lan dịch bệnh COVID-19; đảm bảo 100% chất thải y tế nguy hại được thu gom, xử lý đạt tiêu chuẩn môi trường, bao gồm chất thải có nguy cơ nhiễm SARS-CoV-2 phát sinh tại các cơ sở cách ly y tế tập trung, các chốt kiểm dịch, các điểm lấy mẫu xét nghiệm tầm soát dịch COVID-19, các điểm tiêm chủng vắc xin. Kết quả, năm 2018 - 2021 đã phân loại, thu gom, xử lý đạt tiêu chuẩn môi trường hơn 1.300 tấn chất thải y tế nguy hại phát sinh tại 100% cơ sở y tế công lập (bệnh viện, trung tâm y tế, trạm y tế) và 100% cơ sở y tế ngoài công lập (bệnh viện, các phòng khám và dịch vụ y tế).

- 100% cơ sở y tế công lập tuyến tỉnh và tuyến huyện có đầy đủ hồ sơ môi trường theo quy định của pháp luật. Kết quả tự kiểm tra năm 2021 của các đơn vị trực thuộc, có 100% cơ sở y tế tuyến tỉnh và huyện thực hiện mô hình cơ sở y tế “xanh - sạch - đẹp” đạt mức “khá” trở lên; trong đó 14 đơn vị ($\approx 77,8\%$) đạt mức “tốt”, không có đơn vị ở mức “trung bình” và “yếu”.

7. Quản lý y tế ngoài công lập và thực hiện các dự án hợp tác quốc tế

a) Quản lý y tế ngoài công lập

- Kịp thời phổ biến các văn bản pháp luật cho đối tượng hành nghề ngoài công lập. Tạo điều kiện thuận lợi để y tế ngoài công lập phát triển, cung ứng dịch vụ tư vấn, chăm sóc y tế cho người dân; đi đôi với tăng cường giám sát, kiểm tra và kịp thời chấn chỉnh, xử lý sai sót, lệch lạc của các cá nhân, cơ sở hành nghề.

- Lũy kế số cơ sở khám bệnh, chữa bệnh và kinh doanh thuốc ngoài công lập được cấp phép hành nghề: 1.639 (y: 596, y học cổ truyền: 157, dược: 886); tăng 265 cơ sở so với năm 2017. Số cơ sở tự công bố đủ điều kiện hoạt động tiêm chủng: 208 (có 33 cơ sở tiêm dịch vụ). Số cơ sở tự công bố phòng xét nghiệm đạt tiêu chuẩn an toàn sinh học: 67 (có 39 cơ sở xét nghiệm ngoài công lập).

b) Thực hiện các dự án hợp tác quốc tế về y tế

Đảm bảo thực hiện đúng kế hoạch, có hiệu quả các chương trình, dự án hợp tác quốc tế về y tế được triển khai tại tỉnh; cụ thể như: Dự án Phát triển dịch vụ chăm sóc mắt trẻ em (do Tổ chức Orbis – Mỹ tài trợ); Dự án Hỗ trợ người khuyết tật vận động và Dự án Hỗ trợ chăm sóc phục hồi chức năng bền vững và đa chuyên ngành cho người khuyết tật nặng (do cơ quan phát triển Hoa Kỳ tài trợ);

Dự án Tăng cường hệ thống đào tạo lâm sàng cho điều dưỡng mới tốt nghiệp và Dự án Cải thiện sự phát triển của trẻ sơ sinh nhẹ cân tại khu vực bị nhiễm chất độc da cam/dioxin nặng ở Việt Nam (*do tổ chức JICA – Nhật Bản tài trợ*); Dự án Phát hiện sớm bệnh vông mạc đái tháo đường tại cộng đồng (*do Bộ Ngoại giao - Thương mại Úc và tổ chức Fred Hollow Foundation tài trợ*); Dự án Phòng chống bệnh Lao và Dự án Sáng kiến khu vực ngăn chặn sốt rét kháng thuốc Artemisinin, (*do Quỹ toàn cầu phòng chống AIDS, Lao và Sốt rét tài trợ*); Dự án Cung cấp trang thiết bị y tế cho Trung tâm Y tế thành phố Quy Nhơn (*do Ngân hàng Xuất nhập khẩu Hàn Quốc tài trợ*);...

8. Đầu tư xây dựng cơ bản và mua sắm trang thiết bị

- Hầu hết bệnh viện, cơ sở y tế tuyến tỉnh, huyện và nhiều trạm y tế được đầu tư kinh phí từ các nguồn vốn khác nhau để xây mới, nâng cấp, mở rộng cơ sở vật chất và mua sắm, bổ sung trang thiết bị y tế phù hợp với từng tuyến kỹ thuật.

- Một số công trình y tế trọng điểm của tỉnh được đầu tư xây dựng mới để phát triển và nâng cao chất lượng cung ứng dịch vụ y tế, phục vụ nhu cầu khám bệnh, chữa bệnh ngày càng cao của nhân dân, như: Nhà khám - kỹ thuật nghiệp vụ của Bệnh viện ĐKKV Bồng Sơn; Khu điều trị bệnh nhân và các hạng mục phụ trợ của TTYT huyện Hoài Nhơn; Khu điều trị bệnh nhân và Chẩn đoán hình ảnh, khoa Truyền nhiễm của BVĐK tỉnh; Bệnh viện Bình Định quy mô 600 giường bệnh (trước đây là BVĐK tỉnh Bình Định – phần mở rộng); các dự án: Mở rộng Bệnh viện đa khoa khu vực Bồng Sơn, Mở rộng Bệnh viện Mắt;...

9. Quản lý tài chính y tế

- Kịp thời phổ biến và tổ chức triển khai thực hiện các văn bản, chính sách về quản lý tài chính trong toàn Ngành.

- Thực hiện lập, phân bổ và công khai dự toán kinh phí phù hợp cho từng lĩnh vực, từng tuyến, từng đơn vị; ; tập trung và ưu tiên bố trí ngân sách nhà nước cấp cho y tế dự phòng, y tế tuyến cơ sở, các vùng khó khăn. Công khai dự toán kinh phí, xét duyệt quyết toán và tổng hợp báo cáo quyết toán ngân sách nhà nước hàng năm đảm bảo nghiêm túc, đúng quy định hiện hành.

- Tổ chức quản lý và sử dụng ngân sách, thu - chi tài chính đúng theo định mức, tiêu chuẩn hiện hành; tăng cường tiết kiệm, chống lãng phí, chỉ bố trí kinh phí triển khai các nhiệm vụ thực sự cần thiết, cấp bách; thực hiện lồng ghép với hoạt động của các chương trình, dự án có liên quan. Thực hiện quy trình mua sắm, sửa chữa, nâng cấp cơ sở vật chất và trang thiết bị đúng quy định, đảm bảo tiết kiệm và có hiệu quả.

- Bảo đảm đủ kinh phí cho các cơ sở y tế thực hiện chi hỗ trợ một số chế độ thực thanh thực chi trong khám chữa bệnh cho người nghèo, cận nghèo, người lang thang, cơ nhỡ, gặp khó khăn đột xuất... Thường xuyên giám sát, kiểm tra các đơn vị trực thuộc việc thực hiện thu giá dịch vụ y tế theo đúng quy định.

- Tổ chức tốt việc quản lý công sản trong toàn ngành; thực hiện nghiêm túc Đề án sử dụng tài sản công vào mục đích cho thuê tại các đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc; phối hợp chặt chẽ với liên ngành để xác định hiện trạng tài sản

công trước khi sửa chữa, điều chuyển, thanh lý....

- Thường xuyên tổng hợp các nguồn viện trợ đưa vào cân đối nguồn lực chung của toàn ngành; tăng cường quản lý và sử dụng viện trợ y tế theo quy định.

- Chỉ đạo, đôn đốc các đơn vị trực thuộc triển khai cập nhập dữ liệu vào hệ thống quản lý chi ngân sách tiền lương vào cổng dịch vụ công trực tuyến của Kho bạc Nhà nước theo Nghị định số 38/2019/NĐ-CP của Chính phủ.

- Chỉ đạo các đơn vị trực thuộc mở tài khoản chuyên thu tại các ngân hàng thương mại và ủy quyền thu hộ đối với một số khoản thu tiền mặt từ dịch vụ; đẩy mạnh các hình thức thanh toán không dùng tiền mặt và sử dụng hóa đơn điện tử.

- Rà soát, tổng hợp nhu cầu trình UBND phê duyệt, cấp bổ sung kinh phí hỗ trợ chi trả tiền lương do ảnh hưởng của dịch COVID-19 đối với các đơn vị điều trị; chi trả chế độ đặc thù và chi hỗ trợ cho viên chức nhân viên y tế của các đơn vị tham gia công tác phòng chống dịch bệnh COVID-19.

- Triển khai thực hiện Nghị định số 60/2021/NĐ-CP ngày 21/6/2021 của Chính phủ quy định cơ chế tự chủ tài chính của đơn vị sự nghiệp công lập.

10. Quản lý thông tin và thông kê y tế

- Kịp thời phổ biến, hướng dẫn trong toàn Ngành triển khai thực hiện các văn bản của Chính phủ, Bộ Y tế, liên Bộ và các bộ ngành có liên quan đến lĩnh vực y tế. Chỉ đạo các đơn vị trực thuộc và phối hợp với các cơ quan thông tin đại chúng tăng cường tuyên truyền về quyền lợi, nghĩa vụ của người dân khi tiếp cận, sử dụng các dịch vụ y tế, chính sách bảo hiểm y tế, giá dịch vụ y tế,...

- Chỉ đạo các đơn vị cử đại biểu tham dự đầy đủ các hội nghị trực tuyến, giao ban trực tuyến do Chính phủ, Bộ Y tế tổ chức về việc đánh giá tình hình hoạt động và triển khai các nội dung, công việc có liên quan đến Ngành Y tế.

- Hướng dẫn, đôn đốc các đơn vị y tế về nghiệp vụ thống kê, báo cáo và đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin trong quản lý thông tin, số liệu. Thực hiện nghiêm túc chế độ báo cáo số liệu, thông tin y tế định kỳ và đột xuất.

- Xây dựng Kế hoạch triển khai thống kê y tế điện tử trên địa bàn tỉnh với mục tiêu tin học hóa công tác báo cáo, thống kê y tế, hình thành cơ sở dữ liệu, cung cấp thông tin đầy đủ, kịp thời, chính xác, khoa học phục vụ công tác quản lý, hoạch định chính sách trong lĩnh vực y tế.

- Phối hợp với Viettel Bình Định, VNPT Bình Định triển khai đưa vào sử dụng các phần mềm ứng dụng công nghệ thông tin tại các cơ sở y tế như: Quản lý khám chữa bệnh (His) tại các bệnh viện, TTYT; Quản lý y tế cơ sở; Quản lý hồ sơ sức khỏe công dân tại các trạm y tế; Quản lý xét nghiệm (RIS-LIS), Quản lý chẩn đoán hình ảnh (PACS) tại một số bệnh viện; Quản lý dược tại các nhà thuốc.

- Đặc biệt, TTYT thị xã An Nhơn đã đưa vào sử dụng hệ thống xếp hàng khám bệnh có hiển thị số thứ tự, họ tên người bệnh trên màn hình tivi tại tất cả các phòng khám và bước đầu triển khai có hiệu quả “*bệnh án điện tử*” (sử dụng bệnh án được lưu trữ và in bằng máy vi tính, thay cho bệnh án ghi bằng tay).

- Việc sử dụng hóa đơn điện tử được triển khai ở hầu hết các bệnh viện tuyến tỉnh và TTYT tuyến huyện; góp phần giảm chờ đợi, tăng sự hài lòng cho

bệnh nhân khi thanh toán, giảm nhân lực thu ngân tại cơ sở y tế, cũng như quản lý tài chính chính xác và chặt chẽ theo thời gian thực.

III. TỒN TẠI, THÁCH THỨC VÀ NGUYÊN NHÂN

1. Tồn tại, thách thức

- Dịch bệnh COVID-19 là đại dịch nguy hiểm, chưa hề có tiền lệ trong 100 năm qua; đã lan rộng trên toàn thế giới và làm hàng triệu người tử vong. Các hoạt động phòng, chống dịch COVID-19 trên toàn cầu, của quốc gia và tại địa phương vừa phải dựa vào cơ sở khoa học, vừa phải dựa vào thực tiễn, kinh nghiệm để triển khai do vậy gây rất nhiều khó khăn.

- Dịch bệnh diễn biến phức tạp khó lường, có những lúc bùng lên dữ dội tại nhiều địa phương trong cả nước gây thiếu hụt nghiêm trọng nguồn cung dẫn đến việc mua sắm rất khó khăn. Hầu hết các hóa chất, sinh phẩm đều là hàng nhập khẩu nên gây khan hiếm vào những thời điểm nhất định dẫn đến mua sắm khó khăn. Giá hàng hóa phòng, chống dịch biến đổi thất thường tùy thuộc vào sự có sẵn của nguồn cung trong khi nhu cầu lại rất cấp bách nên buộc phải mua theo giá thị trường vào từng thời điểm dẫn đến giá cao, thấp rất thất thường (trong khi đó Chính phủ chưa đưa những mặt hàng thiết yếu phục vụ phòng, chống dịch vào mặt hàng kiểm soát giá và bình ổn giá).

- Các bệnh truyền nhiễm gây dịch nguy hiểm khác luôn tiềm ẩn nguy cơ xảy ra dịch, nhất là bệnh sốt xuất huyết tỷ lệ mắc bệnh còn cao. Các bệnh không lây nhiễm (như ung thư, đái đường, tim mạch, tăng huyết áp,...) ngày càng gia tăng kết hợp với già hóa dân số, biến đổi khí hậu làm tăng gánh nặng bệnh tật.

- Nhiều cơ sở y tế còn thiếu bác sĩ và nhân lực có trình độ cao, nhất là ở tuyến huyện và các bệnh viện chuyên khoa, gây ảnh hưởng đến việc triển khai các kỹ thuật chuyên môn và cung ứng dịch vụ y tế của đơn vị.

- Cơ sở hạ tầng và trang thiết bị y tế tại một số cơ sở y tế bị xuống cấp, lạc hậu; các bệnh viện thường xuyên quá tải nên chưa đáp ứng được yêu cầu về nâng cao chất lượng phục vụ bệnh nhân và phát triển các dịch vụ y tế.

- Từng nơi, từng lúc vẫn còn một số ít viên chức, nhân viên y tế thực hiện quy tắc giao tiếp, ứng xử và tinh thần, thái độ phục vụ người bệnh chưa tốt.

- Cơ cấu giá dịch vụ y tế chưa tính đầy đủ các khoản chi phí (như: quản lý, khấu hao tài sản, đào tạo, công nghệ thông tin...) hoặc chưa được điều chỉnh phù hợp với nhu cầu thực tế (như: tiền lương và phụ cấp, hóa chất, vật tư tiêu hao, điện, nước, xử lý chất thải), gây ảnh hưởng đến thực hiện các nhiệm vụ chi thường xuyên của cơ sở y tế.

- Các quy định về thanh toán chi phí khám chữa bệnh bảo hiểm y tế nhiều bất cập; đặc biệt phần chi phí khám chữa bệnh bảo hiểm y tế vượt dự toán từ các năm trước đến nay vẫn chưa được Bảo hiểm xã hội thanh quyết toán, gây ảnh hưởng nhiều đến khả năng cân bằng tài chính của các cơ sở khám chữa bệnh.

- Chương trình mục tiêu quốc gia dân số - y tế giai đoạn 2016 - 2020 đã kết thúc và từ năm 2021 dừng triển khai, nên việc thực hiện các hoạt động y tế - dân số gặp nhiều khó khăn, nhất là y tế dự phòng và phòng chống một số bệnh xã hội.

2. Nguyên nhân

- Dịch bệnh diễn ra nhanh, phức tạp trên diện rộng có số người mắc COVID -19 tăng nên đơn vị không chủ động trong việc mua sắm. Thông tin các mặt hàng vật tư y tế, trang thiết bị về giá cả, quyết định trúng thầu công khai trên trang thông tin điện tử của Bộ Y tế chưa được đầy đủ, thiếu thông tin. Giá thị trường trong giai đoạn dịch bùng phát luôn biến động tăng cao. Số lượng vật tư y tế, hoá chất, sinh phẩm y tế theo nhu cầu sử dụng đột biến, gây khó khăn trong việc mua sắm cho đơn vị.

- Mô hình bệnh tật có sự thay đổi do tác động của biến đổi khí hậu, già hóa dân số và ô nhiễm môi trường, nhu cầu chăm sóc sức khỏe của nhân dân ngày càng cao; trong khi điều kiện kinh tế - xã hội của tỉnh còn những hạn chế nhất định nên kinh phí đầu tư cho các hoạt động y tế - dân số chưa đáp ứng đủ so với yêu cầu của ngành Y tế.

- Một số cấp uỷ đảng, chính quyền, đoàn thể các cấp chưa quan tâm đúng mức, tạo điều kiện thuận lợi và phối hợp chặt chẽ, thường xuyên với ngành Y tế để triển khai thực hiện các nhiệm vụ, hoạt động y tế - dân số tại địa bàn.

- Chính sách tiền lương, chế độ đãi ngộ đối với công chức, viên chức y tế chưa phù hợp. Giá dịch vụ y tế vẫn chưa được tính đúng và tính đủ theo lộ trình Chính phủ đã đề ra.

- Hệ thống văn bản quy phạm pháp luật, văn bản dưới luật quy định về các hoạt động liên quan đến lĩnh vực y tế - dân số còn nhiều bất cập nên việc triển khai thực hiện nhiều nhiệm vụ gặp khó khăn, hiệu quả không cao.

- Nhu cầu về khám chữa bệnh của người dân ngày càng cao, giá dịch vụ y tế có sự điều chỉnh tăng, các kỹ thuật cao được thực hiện tại tuyến y tế cơ sở ngày càng nhiều... là sự mâu thuẫn giữa khả năng cân đối quỹ BHYT và quyền lợi của người tham gia BHYT.

Phần 2

PHƯƠNG HƯỚNG, NHIỆM VỤ CÔNG TÁC NĂM 2022

I. CHỈ TIÊU CHỦ YẾU

1. Chỉ tiêu phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh

TT	Tên chỉ tiêu	ĐVT	Kế hoạch
1	Số giường bệnh kế hoạch toàn tỉnh/ vạn dân (<i>bao gồm các cơ sở y tế trực thuộc bộ - ngành, không tính trạm y tế</i>)	Giường	$\geq 35,0$
	Trong đó, giường bệnh kế hoạch thuộc tỉnh quản lý	Giường	$\geq 29,5$
2	Tỷ lệ dân số tham gia bảo hiểm y tế	%	$\geq 95,0$
3	Tỷ lệ trạm y tế có bác sĩ làm việc	%	100
4	Tỷ lệ xã, phường, thị trấn đạt Bộ tiêu chí quốc gia y tế (giai đoạn 2011-2020)	%	100
5	Mức sinh thay thế (<i>bình quân mỗi phụ nữ trong độ tuổi sinh đẻ có từ 2,0 con đến 2,2 con</i>)		Duy trì

6	Tỷ lệ trẻ dưới 5 tuổi bị suy dinh dưỡng thể nhẹ cân (cân nặng/ tuổi)	%	$\leq 7,8$
---	--	---	------------

2. Chỉ tiêu phấn đấu của ngành Y tế

TT	Tên chỉ tiêu	ĐVT	Kế hoạch
1	Tỷ lệ dân số được quản lý bằng hồ sơ sức khỏe điện tử	%	$\geq 98,0$
2	Số nhân lực y tế thuộc tỉnh quản lý (trên 10.000 dân)	Người	$\geq 41,0$
3	Tỷ lệ trạm y tế có hộ sinh / y sĩ sản nhi	%	$\geq 96,0$
4	Tỷ số giới tính khi sinh (số bé trai tính trên 100 bé gái)	Bé trai	$\leq 110,0$
5	Tỷ số tử vong mẹ (trên 100.000 trẻ đẻ sống)	Bà mẹ	$\leq 25,0$
6	Tỷ lệ trẻ dưới 5 tuổi bị suy dinh dưỡng thể thấp còi (chiều cao/ tuổi)	%	$\leq 12,2$
7	Tỷ lệ trẻ dưới 1 tuổi tiêm chủng đầy đủ các loại vaccin	%	$\geq 98,0$
8	Tỷ lệ phụ nữ đẻ được khám thai ≥ 3 lần trong 3 kỳ thai	%	$\geq 98,0$
9	Tỷ lệ phụ nữ đẻ tại cơ sở y tế, được nhân viên y tế đã qua đào tạo đỡ	%	$\geq 99,0$
10	Tỷ lệ phụ nữ có thai được tiêm phòng đầy đủ vaccin phòng bệnh uốn ván	%	$\geq 98,0$
11	Ngày điều trị trung bình của 01 bệnh nhân nội trú	Ngày	$\leq 7,0$
12	Tỷ lệ bệnh nhân được khám, chữa bệnh y học cổ truyền	%	$\geq 15,0$
13	Tỷ lệ mắc bệnh phong (tính trên dân số)	/100.000	$\leq 0,2$
14	Tỷ lệ mắc bệnh sốt rét (tính trên dân số)	/100.000	$\leq 5,0$
15	Tỷ lệ mắc bệnh sốt xuất huyết (tính trên dân số)	/100.000	$\leq 200,0$
16	Tỷ lệ mắc lao phổi AFB ⁽⁺⁾ (tính trên dân số)	/100.000	$\leq 30,0$
17	Tỷ lệ mắc mới bệnh tâm thần phân liệt (tính trên dân số)	/100.000	$\leq 10,0$
18	Tỷ lệ nhiễm HIV trong cộng đồng (tính trên dân số)	‰	$\leq 0,3$
19	Tỷ lệ cơ sở SXKD, dịch vụ thực phẩm qua kiểm tra đạt tiêu chuẩn an toàn VSTP	%	$\geq 92,0$
20	Tỷ lệ chất thải y tế nguy hại được thu gom, xử lý đạt tiêu chuẩn môi trường	%	100
21	Tỷ lệ người dân hài lòng với dịch vụ y tế	%	$\geq 75,0$

II. NHIỆM VỤ, GIẢI PHÁP CHỦ YẾU

1. Phát huy vai trò chủ đạo của Ngành y tế, tăng cường sự phối hợp của các sở, ngành, địa phương, đoàn thể và huy động toàn xã hội tích cực tham gia công tác bảo vệ, chăm sóc, nâng cao sức khỏe nhân dân và công tác dân số trong tình hình mới

- Sở Y tế chủ trì, phối hợp với các sở, ngành và chính quyền, đoàn thể các địa phương đẩy mạnh việc tuyên truyền phổ biến, tổ chức quán triệt và lãnh đạo, chỉ đạo triển khai thực hiện nghiêm túc, có hiệu quả các mục tiêu, nhiệm vụ, giải pháp để tiếp tục phát triển Ngành y tế và tăng cường công tác bảo vệ, chăm sóc, nâng cao sức khỏe người dân theo đúng đường lối, chủ trương của Đảng, chính

sách, pháp luật của Nhà nước và các văn bản pháp luật có liên quan đến lĩnh vực y tế - dân số; trọng tâm là:

- + Nghị quyết Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ XIII;
- + Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh Bình Định lần thứ XX;
- + Kế hoạch 33-KH/TU ngày 16/5/2018 của Tỉnh ủy, Quyết định 451/QĐ-UBND ngày 14/02/2019 của UBND tỉnh về công tác dân số trong tình hình mới;
- + Kế hoạch 34-KH/TU ngày 16/5/2018 của Tỉnh ủy, Quyết định 450/QĐ-UBND ngày 14/02/2019 của UBND tỉnh về tăng cường công tác bảo vệ, chăm sóc và nâng cao sức khỏe nhân dân trong tình hình mới;
- + Quyết định số 1614/QĐ-UBND ngày 17/5/2018 của UBND tỉnh về xây dựng và phát triển mạng lưới y tế cơ sở giai đoạn 2018 – 2025 trên địa bàn tỉnh;
- + Quyết định số 3825/QĐ-UBND ngày 31/10/2018 của UBND tỉnh về Kế hoạch thực hiện Chương trình Sức khỏe Việt Nam trên địa bàn tỉnh;
- + Quyết định số 1966/QĐ-UBND ngày 22/5/2020 của UBND tỉnh ban hành Kế hoạch hành động giai đoạn 2020 - 2025 của tỉnh Bình Định thực hiện Chiến lược Dân số Việt Nam đến năm 2030;...

- Các địa phương và các sở, ngành, đoàn thể quan tâm và tích cực phối hợp với Ngành y tế trong việc phổ biến, quán triệt đường lối, chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước về lĩnh vực y tế - dân số; thực hiện đưa các mục tiêu, chỉ tiêu về y tế - dân số và các yếu tố ảnh hưởng đến sức khỏe (như: môi trường, thể dục, thể thao, văn hóa...) vào kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội, nhiệm vụ công tác của từng địa phương, đơn vị ngay từ đầu năm. Phân công trách nhiệm cụ thể và thường xuyên kiểm tra, giám sát việc thực hiện các mục tiêu, giải pháp để tăng cường công tác bảo vệ, chăm sóc và nâng cao sức khỏe nhân dân.

- Sở Y tế thực hiện tốt vai trò tham mưu, đề xuất cho Tỉnh ủy, HĐND và UBND tỉnh trong việc ban hành các quyết định, kế hoạch, chương trình,... phù hợp với điều kiện thực tế của tỉnh, để hiện thực hóa các chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước về lĩnh vực y tế - dân số tại địa phương. Tập trung lãnh đạo, chỉ đạo triển khai thực hiện có hiệu quả các chương trình, nhiệm vụ của Ngành về công tác bảo vệ, chăm sóc, nâng cao sức khỏe nhân dân và công tác dân số trong tình hình mới.

- Phối hợp với các sở, ngành và các địa phương thực hiện đồng bộ các giải pháp để phát triển bảo hiểm y tế toàn dân. Tăng cường thanh tra, kiểm tra, giám sát việc thực hiện các chế độ, chính sách về y tế - dân số và các lĩnh vực hoạt động khác liên quan tới bảo vệ, chăm sóc sức khỏe nhân dân.

- Không ngừng đổi mới và nâng cao hiệu quả công tác tuyên truyền, đẩy mạnh các phong trào thi đua, các cuộc vận động có nội dung liên quan đến bảo vệ, chăm sóc, nâng cao sức khỏe nhân dân và công tác dân số trong tình hình mới.

- Tạo các điều kiện thuận lợi để các tổ chức xã hội, tôn giáo, đoàn thể và huy động toàn xã hội tích cực hưởng ứng, tham gia vào các hoạt động bảo vệ, chăm sóc, nâng cao sức khỏe nhân dân và công tác dân số đúng theo quy định của pháp luật.

2. Tăng cường bảo vệ, nâng cao sức khỏe nhân dân và công tác dân số

- Xây dựng và tổ chức thực hiện đồng bộ các đề án, chương trình về nâng cao sức khỏe, tầm vóc người dân theo hướng dẫn của Bộ Y tế. Quan tâm các điều kiện để người dân được bảo vệ, nâng cao sức khỏe và tiếp cận với các dịch vụ chăm sóc sức khỏe; nhất là ở vùng dân tộc thiểu số, miền núi, ven biển, hải đảo.

- Triển khai tốt các chương trình, hoạt động về chăm sóc dinh dưỡng cho 1.000 ngày vàng đầu đời; giám sát và bổ sung vi chất dinh dưỡng cho phụ nữ có thai, phụ nữ cho con bú, trẻ em dưới 5 tuổi, người cao tuổi; đảm bảo an toàn thực phẩm; hạn chế tai biến sản khoa, giảm tử vong bà mẹ và trẻ em....

- Tiêm chủng đầy đủ, đúng lịch, an toàn cho trẻ em trong diện tiêm chủng. Tăng cường tuyên truyền giáo dục, thay đổi hành vi cho học sinh về dinh dưỡng hợp lý. Định kỳ theo dõi tình trạng dinh dưỡng, kiểm tra sức khỏe cho trẻ em.

- Phối hợp với Sở Giáo dục và Đào tạo, các sở, ngành liên quan đẩy mạnh hoạt động giáo dục thể chất và rèn luyện thân thể cho học sinh trong các trường học, kết hợp với tập luyện bên ngoài cộng đồng. Tăng cường công tác y tế học đường gắn với chăm sóc sức khỏe học sinh, sinh viên.

- Thực hiện đồng bộ các giải pháp để duy trì mức sinh thay thế, giảm chênh lệch giới tính khi sinh; chú trọng hoạt động sàng lọc trước sinh, góp phần nâng cao chất lượng dân số. Tăng cường chăm sóc sức khỏe cho người cao tuổi. Triển khai có hiệu quả các mục tiêu, nhiệm vụ đã đề ra tại Quyết định số 1966/QĐ-UBND ngày 22/5/2020 của UBND tỉnh ban hành Kế hoạch hành động giai đoạn 2020 - 2025 của tỉnh Bình Định thực hiện Chiến lược Dân số Việt Nam đến năm 2030.

- Tiếp tục triển khai có hiệu quả công tác phòng, chống một số bệnh không lây nhiễm (tim mạch, tăng huyết áp, ung thư, đái tháo đường, các rối loạn thiếu iốt); tăng cường chăm sóc sức khỏe cho người cao tuổi, phục hồi chức năng cho người tàn tật.

- Bảo đảm người dân được tiếp cận, sử dụng nguồn nước sạch và nhà tiêu hợp vệ sinh; giảm thiểu các nguy cơ do ô nhiễm môi trường, biến đổi khí hậu ảnh hưởng tới sức khỏe người dân.

- Đẩy mạnh công tác tuyên truyền giáo dục sức khỏe trong cơ sở y tế và tại cộng đồng; tích cực vận động người dân xây dựng nếp sống văn minh, lối sống lành mạnh; xóa bỏ các tập tục lạc hậu ảnh hưởng xấu đến sức khỏe; phòng, chống tai nạn, thương tích, bệnh nghề nghiệp, bạo lực, bạo hành gia đình.

- Tăng cường công tác quân - dân y kết hợp để triển khai thực hiện có hiệu quả các hoạt động phòng, chống dịch bệnh, chăm sóc sức khỏe cho nhân dân, khắc phục hậu quả thiên tai. Thực hiện tốt công tác khám sơ tuyến, khám tuyến nghĩa vụ quân sự trên địa bàn tỉnh đảm bảo chỉ tiêu giao quân.

3. Nâng cao năng lực phòng chống dịch bệnh, kiểm soát bệnh tật; gắn với tiếp tục đổi mới và phát triển y tế cơ sở

- Tiếp tục thực hiện tốt công tác phòng chống dịch bệnh COVID-19, đảm bảo kịp thời phát hiện sớm ca bệnh nghi ngờ, khoanh vùng, dập dịch kịp thời, hiệu quả không để dịch lan rộng.

- Chú trọng công tác y tế dự phòng và kiểm soát bệnh tật. Kịp thời triển khai các giải pháp nhằm đảm bảo thực hiện tốt nhiệm vụ phòng, chống các loại dịch bệnh, không để lây lan trên diện rộng, hạn chế tử vong do dịch bệnh; đặc biệt là các dịch bệnh nguy hiểm, diễn biến phức tạp và có nguy cơ lây nhiễm cao trong cộng đồng.

- Đẩy mạnh hoạt động điều tra, giám sát dịch tễ, kiểm dịch và quản lý các đối tượng nghi nhiễm, di biến động dân cư; đi đôi với tăng cường dự báo, thông tin về diễn biến dịch và tuyên truyền phòng chống dịch bệnh tại cộng đồng.

- Thực hiện tốt các hoạt động về phòng, chống bệnh không lây nhiễm, Tiêm chủng mở rộng, An toàn thực phẩm, Dân số, Phòng chống HIV/AIDS,... và các hoạt động y tế dự phòng, kiểm soát bệnh tật khác.

- Bảo đảm an ninh y tế trọng mọi tình huống, mọi thời điểm. Chuẩn bị sẵn sàng thuốc, hóa chất, vật tư, nhân lực, phương tiện phục vụ cho công tác phòng chống dịch bệnh, phòng chống thiên tai và tác động của biến đổi khí hậu; chủ động và tích cực triển khai các giải pháp phù hợp để ứng phó kịp thời.

- Thực hiện tốt việc lập và quản lý hồ sơ sức khỏe điện tử công dân.

- Tham mưu, đề xuất cấp có thẩm quyền ban hành chính sách của tỉnh để tăng cường đầu tư phát triển hệ thống y tế cơ sở giai đoạn 2022-2025. Thực hiện các giải pháp đồng bộ để nâng cao năng lực cho y tế cơ sở nhất là về chất lượng nguồn nhân lực, cơ sở hạ tầng, trang thiết bị.

4. Nâng cao chất lượng khám, chữa bệnh và phục hồi chức năng

- Tiếp tục kiện toàn và phát triển hệ thống các cơ sở khám chữa bệnh, phục hồi chức năng hoàn chỉnh từ tỉnh đến cơ sở, bên cạnh hệ thống các bệnh viện trực thuộc trung ương và các bộ, ngành đứng chân trên địa bàn.

- Thực hiện đồng bộ các giải pháp nhằm tiếp tục nâng cao chất lượng khám bệnh, chữa bệnh và chăm sóc người bệnh, khắc phục tình trạng quá tải bệnh nhân; đổi mới phong cách, thái độ phục vụ và nâng cao ý thức, tinh thần trách nhiệm của nhân viên y tế; xây dựng bệnh viện, cơ sở y tế “xanh - sạch - đẹp” hướng tới sự hài lòng của người bệnh.

- Triển khai thực hiện các giải pháp phát triển y học cổ truyền, tăng cường kết hợp với y học hiện đại. Đa dạng hóa các loại hình dịch vụ chăm sóc sức khỏe; kết hợp quân - dân y trong phòng bệnh, khám, chữa bệnh cho nhân dân.

- Thực hiện lộ trình thông tuyến khám, chữa bệnh; lộ trình liên thông, công nhận kết quả xét nghiệm giữa các cơ sở khám, chữa bệnh trong và ngoài tỉnh theo kế hoạch của Bộ Y tế, gắn với nâng cao chất lượng cung ứng dịch vụ và có chính sách khuyến khích người dân sử dụng dịch vụ ngay tại tuyến dưới.

- Thực hiện có hiệu quả Quyết định số 2628/QĐ-BYT ngày 22/6/2020 của Bộ Y tế phê duyệt đề án “Khám, chữa bệnh từ xa” giai đoạn 2020-2025. Tiếp tục phát triển các bệnh viện vệ tinh tại tỉnh; tăng cường hoạt động hợp tác và tiếp nhận kỹ thuật y tế chuyên sâu từ các bệnh viện tuyến trên về tỉnh. Tăng cường công tác đào tạo, luân phiên cán bộ y tế và chuyển giao kỹ thuật từ các bệnh viện tuyến tỉnh về cho các đơn vị y tế tuyến cơ sở; hỗ trợ, chuyển giao chuyên môn kỹ

thuật giữa các cơ sở khám, chữa bệnh công lập và ngoài công lập.

- Đẩy mạnh cải cách thủ tục hành chính trong cung cấp các dịch vụ y tế; tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin và đảm bảo an ninh mạng, an toàn dữ liệu trong quản lý bệnh viện, giám định bảo hiểm y tế, bệnh án điện tử, thanh toán chi phí dịch vụ y tế,...; nhằm tiến tới kết nối đồng bộ các dữ liệu về chẩn đoán, xét nghiệm, cận lâm sàng trong hồ sơ bệnh án, làm nền tảng để phát triển hồ sơ bệnh án điện tử trong những năm tới.

5. Tăng cường quản lý dược và thiết bị y tế

- Bảo đảm cung ứng đủ thuốc, hóa chất phục vụ công tác khám, chữa bệnh, phòng chống dịch và dự phòng. Đẩy mạnh công tác dược lâm sàng, chống kháng thuốc. Kiểm soát chặt chẽ tình hình mua bán, sử dụng các loại thuốc chữa bệnh, thực phẩm chức năng và các loại hàng hóa có nguy cơ gây hại sức khỏe.

- Thực hiện tốt công tác đấu thầu thuốc tập trung và không tập trung cấp tỉnh bảo đảm đúng quy định, công khai, minh bạch, nhằm mua sắm thuốc, thiết bị, hóa chất, vật tư y tế có chất lượng với chi phí hợp lý; kiểm soát chặt chẽ quy trình mua sắm, chống thất thoát, lãng phí. Thực hiện đồng bộ các giải pháp để truy xuất nguồn gốc thuốc, chấn chỉnh tình trạng bán thuốc không theo đơn.

- Chỉ đạo các cơ sở khám bệnh, chữa bệnh trên địa bàn tỉnh tuân thủ GSP theo lộ trình quy định của Bộ Y tế.

- Tăng cường giám sát, kiểm tra công tác mua sắm, quản lý và sử dụng trang thiết bị y tế trong toàn Ngành. Thực hiện tốt thủ tục hành chính liên quan đến dược, mỹ phẩm và trang thiết bị y tế thông qua Trung tâm phục vụ hành chính công của tỉnh, đẩy mạnh dịch vụ công trực tuyến mức độ 4 theo quy định.

6. Kiện toàn tổ chức bộ máy và nhân lực y tế

- Tiếp tục kiện toàn, hoàn thiện hệ thống tổ chức y tế và tăng cường quản lý nhân lực y tế theo các văn bản quy định, hướng dẫn của cấp có thẩm quyền, đảm bảo tinh gọn, phù hợp và đạt hiệu quả cao; cụ thể là:

+ Nghị định số 62/2020/NĐ-CP ngày 01/6/2020 của Chính phủ quy định vị trí việc làm và biên chế công chức.

+ Nghị định số 106/2020/NĐ-CP ngày 10/9/2020 của Chính phủ quy định vị trí việc làm và số lượng người làm việc trong đơn vị sự nghiệp công lập.

+ Nghị định số 107/2020/NĐ-CP ngày 14/9/2020 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 24/2014/NĐ-CP quy định tổ chức các cơ quan chuyên môn thuộc UBND tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương.

+ Nghị định số 115/2020/NĐ-CP ngày 25/9/2020 của Chính phủ quy định về tuyển dụng và quản lý viên chức.

+ Nghị định số 120/2020/NĐ-CP ngày 07/10/2020 của Chính phủ quy định về thành lập, tổ chức lại, giải thể đơn vị sự nghiệp công lập.

- Triển khai thực hiện nghiêm túc Đề án tinh giản biên chế của Ngành y tế giai đoạn 2016 - 2021; Tiếp tục hoàn thiện và trình UBND tỉnh phê duyệt Đề án vị trí việc làm tại các đơn vị trực thuộc.

- Thực hiện tốt công tác quy hoạch và bổ nhiệm mới, bổ nhiệm lại các chức danh lãnh đạo, quản lý trong toàn Ngành. Thực hiện tốt, đúng quy định công tác tuyển dụng và quản lý công chức, viên chức, người lao động.

- Tiếp tục thực hiện chính sách của tỉnh để khuyến khích, thu hút và ưu đãi đối với người có trình độ chuyên môn làm việc tại y tế cơ sở, nhất là ở vùng sâu, vùng xa, vùng khó khăn và các lĩnh vực y tế dự phòng, pháp y, tâm thần, lao,... Tham mưu, đề xuất cấp có thẩm quyền tiếp tục ban hành chính sách của tỉnh về thu hút và ưu đãi đối với bác sĩ, dược sĩ đại học giai đoạn 2022-2026.

- Tăng cường đào tạo, tập huấn nâng cao trình độ chuyên môn, quản lý và đạo đức nghề nghiệp cho cán bộ y tế. Xử lý nghiêm các trường hợp vi phạm quy chế chuyên môn và đạo đức nghề nghiệp; các hành vi xâm hại đến nhân phẩm và sức khỏe thầy thuốc; bảo đảm an ninh, trật tự và an toàn trong cơ sở y tế.

7. Nâng cao hiệu lực quản lý, điều hành và cải cách thủ tục hành chính

- Nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước của Ngành và lĩnh vực được giao phụ trách theo đúng quy định pháp luật. Bảo đảm sự chỉ đạo xuyên suốt của Sở Y tế về chuyên môn nghiệp vụ; gắn liền với sự lãnh đạo toàn diện của các cấp ủy đảng, chính quyền từ tỉnh đến cơ sở trong quá trình tổ chức triển khai thực hiện các nhiệm vụ, hoạt động về y tế - dân số - sức khỏe nhân dân trên địa bàn.

- Tiếp tục triển khai thực hiện các dự án xây dựng mới và cải tạo, mở rộng cơ sở vật chất tại các cơ sở y tế được phê duyệt và bố trí vốn theo kế hoạch.

- Cùng với việc đầu tư mở rộng, nâng cấp cơ sở hạ tầng, tăng giường bệnh kế hoạch cho các cơ sở y tế theo lộ trình; tiếp tục mua sắm, bổ sung trang thiết bị y tế nhằm đáp ứng nhu cầu triển khai và phát triển chuyên môn kỹ thuật tại các bệnh viện phù hợp với khả năng và phân tuyến kỹ thuật được phê duyệt.

- Tiếp tục đẩy mạnh cải cách hành chính, trọng tâm là cải cách thủ tục hành chính trong tất cả các lĩnh vực hoạt động của Ngành; tăng cường cải tiến các quy trình, thủ tục và ứng dụng công nghệ thông tin trong quản lý, cung cấp các dịch vụ y tế nhằm giảm phiền hà, tạo thuận lợi cho người dân. Thường xuyên rà soát, đánh giá những tồn tại, bất cập về thủ tục hành chính liên quan đến cung ứng dịch vụ y tế và kịp thời đề xuất các giải pháp thực hiện phù hợp, có hiệu quả.

- Triển khai thực hiện nghiêm túc, có hiệu quả Kế hoạch số 90/KH-UBND ngày 26/11/2020 của UBND tỉnh ban hành kế hoạch chuyển đổi số đến năm 2025, định hướng đến năm 2030 của tỉnh Bình Định; Quyết định số 5316/QĐ-BYT ngày 22/12/2020 của Bộ Y tế phê duyệt chương trình chuyển đổi số y tế đến năm 2025, định hướng đến năm 2030.

- Tham mưu cho UBND tỉnh ban hành các quy định, quyết định, kế hoạch đổi mới cơ chế, tổ chức triển khai thực hiện các luật, nghị định về lĩnh vực y tế - dân số cho phù hợp với tình hình thực tiễn ở địa phương.

- Chú trọng công tác thi đua khen thưởng và kỷ luật; đẩy mạnh phong trào thi đua lao động giỏi, lao động sáng tạo trong toàn Ngành; kịp thời nêu gương người tốt, việc tốt, các đơn vị và cá nhân điển hình tiên tiến.

- Tăng cường thanh tra, kiểm tra và kịp thời xử lý nghiêm các trường hợp vi

phạm pháp luật. Thực hiện tốt hoạt động tiếp dân và giải quyết đơn thư khiếu nại, tố cáo.

8. Tăng cường quản lý tài chính y tế

- Kịp thời phổ biến và tổ chức hướng dẫn, triển khai các văn bản, chính sách về quản lý tài chính trong toàn Ngành. Thực hiện công khai dự toán, phân bổ kinh phí phù hợp cho từng lĩnh vực, từng tuyến, từng đơn vị.

- Tập trung và ưu tiên bố trí ngân sách nhà nước cấp cho y tế dự phòng, y tế tuyến cơ sở; nhất là ở vùng sâu, vùng xa, vùng khó khăn.

- Tiếp tục xây dựng, trình cấp có thẩm quyền phê duyệt phương án tự chủ, tự chịu trách nhiệm về thực hiện nhiệm vụ, tổ chức bộ máy nhân sự và tài chính đối với các đơn vị sự nghiệp y tế theo đúng lộ trình.

- Tranh thủ huy động các nguồn lực xã hội, các dự án ODA, NGO để đầu tư cho công tác y tế - dân số; lồng ghép các nguồn viện trợ đưa vào nguồn lực chung của toàn Ngành. Tổ chức thực hiện tốt công tác quản lý công sản; đi đôi với tăng cường quản lý và sử dụng viện trợ y tế theo quy định.

- Bảo đảm đủ kinh phí cho các cơ sở y tế thực hiện chi hỗ trợ một số chế độ thực thanh thực chi trong khám chữa bệnh cho người nghèo; mua, hỗ trợ mua thẻ BHYT cho người nghèo, bệnh nhân phong, HIV/AIDS.

- Tổ chức quản lý và sử dụng ngân sách, thu - chi tài chính đúng theo định mức, tiêu chuẩn hiện hành; đi đôi với tăng cường tiết kiệm, chống lãng phí. Thực hiện quy trình mua sắm, sửa chữa, nâng cấp cơ sở vật chất và trang thiết bị đúng quy định, đảm bảo tiết kiệm và có hiệu quả.

- Thực hiện nghiêm túc Đề án sử dụng tài sản công vào mục đích cho thuê tại các đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc Sở Y tế.

- Tăng cường triển khai thực hiện hóa đơn điện tử, thu tiền dịch vụ y tế không sử dụng tiền mặt tại các cơ sở y tế bằng hình thức chuyển khoản qua tài khoản của ngân hàng hoặc bằng máy thanh toán bằng thẻ ngân hàng (POS). Tiếp tục đẩy mạnh việc đấu thầu qua hệ thống mạng đấu thầu quốc gia.

Phần 3

ĐỀ XUẤT, KIẾN NGHỊ

I. ĐỐI VỚI BỘ Y TẾ

- Tham mưu Quốc hội, Chính phủ phê duyệt Chương trình mục tiêu y tế - dân số giai đoạn 2022-2025; Sửa đổi Luật Khám bệnh, chữa bệnh và Luật Bảo hiểm y tế, ban hành Luật Dân số. Tăng ngân sách từ Trung ương hỗ trợ về cho tỉnh để thực hiện nâng cấp cơ sở vật chất, bổ sung trang thiết bị cho các cơ sở y tế huyện, xã.

- Có biện pháp quản lý giá trang thiết bị y tế, vật tư y tế, hoá chất, sinh phẩm y tế và thuốc phục vụ cho công tác phòng chống dịch một cách chặt chẽ hơn; công khai minh bạch rõ ràng hơn trên cổng thông tin điện tử của Bộ Y tế

(các trang thiết bị đã công khai giá cần phải có đầy đủ các thông tin chi tiết về thông số kỹ thuật kèm theo).

- Đầu thầu tập trung cấp quốc gia các thuốc điều trị và các vật tư y tế, Sinh phẩm phục vụ công tác phòng chống dịch COVID-19.

- Phối hợp Bộ Nội vụ và các bộ liên quan sớm ban hành văn bản thay thế Thông tư liên tịch số 08/2007/TTLT-BYT-BNV ngày 05/6/2007 về việc hướng dẫn định mức biên chế sự nghiệp trong các cơ sở y tế nhà nước *(đã bãi bỏ theo Thông tư số 28/2020/TT-BYT của Bộ Y tế)*, để phù hợp với sự thay đổi về cơ cấu tổ chức và nhu cầu hoạt động các đơn vị sự nghiệp y tế giai đoạn hiện nay.

- Phối hợp Bộ Tài chính, Bộ Nội vụ và các bộ liên quan sớm ban hành chính sách thu hút, ưu đãi và chế độ đặc thù đối với đội ngũ nhân lực y tế công tác, làm việc tại tuyến y tế cơ sở (huyện, xã) và lĩnh vực y tế dự phòng.

- Phối hợp với Bộ Tài chính và các bộ liên quan sớm thực hiện lộ trình tính đúng, tính đủ giá dịch vụ y tế; tiếp tục bổ sung các khoản chi phí về quản lý, khấu hao tài sản, đào tạo, công nghệ thông tin... vào cơ cấu giá dịch vụ y tế; đồng thời xem xét điều chỉnh cơ cấu giá dịch vụ y tế để phù hợp với nhu cầu thực tế (như: tiền lương và phụ cấp, hóa chất và vật tư tiêu hao, điện, nước, xử lý chất thải).

II. ĐỐI VỚI HĐND VÀ UBND TỈNH

- Tiếp tục chỉ đạo các sở, ban, ngành, chính quyền địa phương phối hợp chặt chẽ hơn nữa nhằm đảm bảo hiệu quả công tác phòng chống dịch COVID-19, đảm bảo “Thích ứng an toàn, linh hoạt, kiểm soát hiệu quả dịch COVID-19” của tỉnh Bình Định.

- Quan tâm tăng chi ngân sách nhà nước cho ngành Y tế để đảm bảo các hoạt động bảo vệ, chăm sóc, nâng cao sức khỏe nhân dân, nhất là đối với công tác y tế dự phòng và kiểm soát bệnh tật, dân số và kế hoạch hóa gia đình, xây dựng và phát triển mạng lưới y tế cơ sở và đầu tư mua sắm trang thiết bị y tế, vật tư y tế, hoá chất, sinh phẩm y tế phục vụ công tác phòng, chống dịch COVID-19 được chủ động và hiệu quả hơn và chi trả kịp thời chế độ bồi dưỡng cho người tham gia công tác phòng chống dịch.

- Tiếp tục quan tâm, bố trí kinh phí từ ngân sách tỉnh để đầu tư xây dựng các công trình của ngành Y tế đã được phê duyệt chủ trương đầu tư và mua sắm trang thiết bị y tế; đảm bảo vốn đối ứng của tỉnh để triển khai thực hiện các dự án ODA, NGO về lĩnh vực y tế - dân số tại tỉnh./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- TT HĐND tỉnh (báo cáo);
- UBND tỉnh (báo cáo);
- Lãnh đạo Sở Y tế;
- Các đơn vị trực thuộc;
- Các phòng và Thanh tra, Văn phòng Sở Y tế;
- Lưu: VT, KHTC.

GIÁM ĐỐC

Lê Quang Hùng

**KẾT QUẢ THỰC HIỆN CÁC CHỈ TIÊU CƠ BẢN VỀ Y TẾ - DÂN SỐ
TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH BÌNH ĐỊNH, GIAI ĐOẠN 2018 – 2021**

(Kèm theo Báo cáo số /BC-SYT ngày /01/2022 của Sở Y tế Bình Định)

T T	Tên chỉ tiêu	NĂM 2018		NĂM 2019		NĂM 2020		NĂM 2021	
		Kế hoạch	Thực hiện	Kế hoạch	Thực hiện	Kế hoạch	Thực hiện	Kế hoạch	Thực hiện
	Chỉ tiêu kinh tế - xã hội chủ yếu của HĐND, UBND tỉnh								
1	Số giường bệnh kế hoạch toàn tỉnh / vạn dân <i>(bao gồm các cơ sở y tế thuộc bộ, ngành; không tính trạm y tế)</i>	$\geq 30,0$	30,2	$> 30,5$	31,2	$> 33,5$	34,0	$\geq 35,0$	34,6
	<i>Trong đó: Giường bệnh kế hoạch thuộc tỉnh quản lý/ vạn dân</i>	$\geq 25,5$	25,5	$> 25,5$	26,5	$> 27,5$	28,2	28,5	28,7
2	Tỷ lệ dân số tham gia bảo hiểm y tế (%)	$\geq 88,5$	88,7	$\geq 90,0$	91,6	$\geq 92,0$	95,8	$\geq 94,0$	95,2
3	Tỷ lệ trạm y tế có bác sĩ làm việc (%)	100	100	100	100	100	100	100	100
4	Tỷ lệ xã đạt Bộ tiêu chí quốc gia y tế (%)	$\geq 97,5$	98,1	$\geq 99,0$	100	100	100	100	100
5	- Mức giảm tỷ suất sinh, so với năm trước (‰)	$\geq 0,1$	0,1	$\geq 0,1$	0,15	$\geq 0,1$	0,13	$\geq 0,1$	0,15
	- Mức sinh thay thế <i>(mỗi phụ nữ trong độ tuổi sinh đẻ có 2,0 – 2,2 con)</i>	-	-	Đạt	Đạt	Duy trì	Duy trì	Duy trì	Duy trì
6	Tỷ lệ trẻ em dưới 5 tuổi bị suy dinh dưỡng thể nhẹ cân (%)	$\leq 10,0$	9,7	$\leq 9,3$	9,0	$\leq 8,5$	8,26	$\leq 8,1$	8,1
	Chỉ tiêu cơ bản theo mục tiêu phát triển của ngành Y tế								
7	Tỷ suất tử vong mẹ (/ 100.000 trẻ đẻ sống)	$\leq 20,0$	21,5	$\leq 20,0$	18,9	$\leq 20,0$	14,2	$\leq 25,0$	22,4
8	Tỷ lệ trẻ dưới 1 tuổi được tiêm chủng đầy đủ (%)	$\geq 98,0$	99,5	$\geq 98,0$	98,0	$\geq 98,0$	98,5	$\geq 98,0$	98,0
9	Tỷ lệ phụ nữ đẻ được khám thai ≥ 3 lần trong 3 kỳ thai (%)	$\geq 98,0$	99,0	$\geq 98,0$	99,9	$\geq 98,0$	99,8	$\geq 98,0$	99,0
10	Ngày điều trị nội trú trung bình của 01 bệnh nhân (ngày)	$\leq 7,0$	6,7	$\leq 7,0$	6,7	$\leq 7,0$	5,7	$\leq 7,0$	10,5

11	Tỷ lệ trạm y tế khám chữa bệnh bằng Y học cổ truyền (%)	$\geq 96,0$	96,9	$\geq 96,0$	96,9	$\geq 96,0$	100	$\geq 96,0$	96,9
12	Số mắc bệnh sốt rét, tính trên dân số (/100.0000)	$\leq 12,0$	3,1	$\leq 12,0$	4,6	$\leq 10,0$	1,5	$\leq 5,0$	0,5
13	Số mắc bệnh sốt xuất huyết, tính trên dân số (/100.000)	$\leq 100,0$	202,0	$\leq 150,0$	440,0	$\leq 150,0$	490,0	≤ 400	63,0
14	Tỷ lệ bệnh phong lưu hành, tính trên dân số (/100.000)	$\leq 0,5$	0,1	$\leq 0,5$	0	$\leq 0,3$	0	$\leq 0,2$	0,07
15	Số mắc lao phổi AFB(+) mới, tính trên dân số (/100.000)	$\leq 45,0$	29,8	$\leq 45,0$	31,0	$\leq 45,0$	29,8	$\leq 30,0$	20,0
16	Tỷ lệ nhiễm HIV trong cộng đồng, tính trên dân số (‰)	$\leq 0,3$	0,25	$\leq 0,3$	0,3	$\leq 0,3$	0,24	$\leq 0,3$	0,3
17	Tỷ lệ cơ sở SXKD và dịch vụ thực phẩm qua kiểm tra đạt tiêu chuẩn an toàn thực phẩm (%)	$\geq 85,0$	91,5	$\geq 87,0$	94,9	$\geq 90,0$	94,8	$\geq 92,0$	94,8
18	Tỷ lệ chất thải y tế nguy hại được thu gom, xử lý đạt tiêu chuẩn môi trường (%)	$\geq 98,0$	99,1	$\geq 99,0$	99,9	100	100	100	100